

Bản án số: 66/2022/HS-PT
Ngày 27-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán:

+ Ông Phạm Văn Tâm;

+ Bà Phan Thị Mai Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 39/2021/TLPT-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ánh Tuyết, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 05/2022/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Thanh T; sinh năm 1969, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú hiện nay: ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nguyên là Kế toán Phòng giáo dục huyện G, tỉnh Tây Ninh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Nhân, sinh năm 1943 (đã chết) và bà Phạm Thị Nảo, sinh năm 1943; chồng: Đỗ Quang Ngân Hà, sinh năm 1969 (đã chết); con: có 02 người, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24-4-2019 đến ngày 26-4-2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng hình thức bảo lãnh; có mặt

Bị hại: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn M; Chức vụ: Trưởng phòng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T; Chức vụ: Phó Trưởng phòng.
(Tòa án không triệu tập)

Nguyên đơn dân sự: Bảo hiểm Xã hội Việt Nam Chi nhánh huyện G.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh P – Chức vụ: Giám đốc; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25-9-2009, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G điều động Nguyễn Thị Thanh T nhân viên kế toán Trường Mầm non Liên Cơ đến nhận công tác tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G với nhiệm vụ nhân viên Thủ quỹ-Văn thư. Tháng 12-2011, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G truy thu tiền bảo hiểm thất nghiệp 01% của giáo viên từ tháng 01-2011 đến tháng 12-2011 đối với 47 trường trên địa bàn huyện G bao gồm: Khối Mẫu giáo, Tiểu học và Trung học cơ sở chưa giao tự chủ và chưa có tài khoản riêng để nộp cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi nhánh huyện G, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Nghị định 127/2008/NĐ-CP ngày 12-12-2008 của Chính phủ. Trần Thị Kim Phụng là nhân viên Kế toán-Văn thư của Trường mẫu giáo Thị trấn được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G trưng dụng (nhưng không có quyết định trưng dụng, lương và các khoản phụ cấp Phụng vẫn nhận tại Trường mẫu giáo Thị trấn) đến hỗ trợ ông Phạm Đức Vinh là người phụ trách kế toán của Phòng giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh. Bà Phụng được phân công nhiệm vụ lập bảng tổng hợp số tiền bảo hiểm thất nghiệp 01% của giáo viên 47 trường phải nộp là 349.354.585 đồng và giao lại bảng tổng hợp cho Tuyết thu tiền. Khi thủ quỹ 47 trường đến Phòng giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh nhận tiền lương tháng 12-2011 của giáo viên và đóng số tiền bảo hiểm thất nghiệp 01% năm 2011 thì Tuyết không làm phiếu thu mà lấy bảng tổng hợp của Phụng đưa cho thủ quỹ 47 trường ký xác nhận vào cột **‘ký nhận’**, sau khi thu xong, Tuyết, bị cáo Tuyết không báo cho lãnh đạo, Kế toán của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh biết sự việc và không đem nộp số tiền trên cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi nhánh huyện G, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2014, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi nhánh huyện G, tỉnh Tây Ninh kiểm tra thì phát hiện Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh còn nợ số tiền bảo hiểm thất nghiệp 349.354.585 đồng nên đã tiến hành đối chiếu với Kho bạc nhà nước, Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện G xác định số tiền trên Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh chưa thực hiện việc giao nộp. Đến tháng 12-2017, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi nhánh huyện G, tỉnh Tây Ninh có công văn yêu cầu Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh giao nộp lại số tiền bảo hiểm thất nghiệp của giáo viên năm 2011. Sau đó, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh

tiền hành kiểm tra lại phát hiện số tiền thu bảo hiểm thất nghiệp của giáo viên 47 trường, thủ quỹ đã thu không nộp cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi nhánh huyện G, tỉnh Tây Ninh nên đã báo cáo Thường trực Huyện ủy Gò Dầu và Ủy ban nhân dân huyện G.

Qua kết quả thanh tra, ngày 31-5-2018, Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh kết luận Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh còn nợ Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi nhánh huyện G tiền bảo hiểm thất nghiệp 01% của năm 2011 và sự việc có dấu hiệu tội phạm nên đã chuyển hồ sơ sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Tây Ninh để điều tra làm rõ.

Bảo hiểm xã hội huyện G đã tiến hành đối chiếu và thống nhất với Phòng Giáo dục và đào tạo huyện G xác định số tiền 1% do người lao động chưa đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp năm 2011 là 354.147.001 đồng. Năm 2012, các trường đã tự chủ tài chính, số tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp năm 2012 cho nhân viên của Phòng Giáo dục và đào tạo huyện G bị thừa 3.882.313 đồng. Năm 2013, Phòng Giáo dục và đào tạo huyện G nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên còn thiếu là 455.455 đồng. Tổng số tiền bảo hiểm thất nghiệp mà Phòng Giáo dục và đào tạo huyện G còn nợ 03 năm (2011, 2012, 2013) là 350.720.143 đồng.

Căn cứ vào Bảng tổng hợp 01% tiền bảo hiểm thất nghiệp năm 2011 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G và danh sách thu tiền 01% bảo hiểm thất nghiệp của 12 giáo viên chuyển vùng công tác có chữ ký của thủ quỹ, kế toán 47 trường thì số tiền 01% tiền bảo hiểm thất nghiệp năm 2011 Tuyết đã truy thu là 349.354.585 đồng.

Qua điều tra, bị cáo Tuyết không thừa nhận chiếm đoạt số tiền 349.354.585 đồng mà chỉ khai nhận do trình độ chuyên môn yếu, kém đã làm thất thoát số tiền trên.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Bảng tổng hợp 01% tiền bảo hiểm thất nghiệp năm 2011 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G và danh sách thu tiền 01% bảo hiểm thất nghiệp của 12 giáo viên chuyển vùng công tác; giấy rút dự toán ngân sách hỗ trợ 02% cho giáo viên đóng bảo hiểm thất nghiệp năm 2011 do Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G giao nộp được đưa vào hồ sơ vụ án;

Ngày 02-11-2018, bị cáo Tuyết đã có đơn xin khắc phục hậu quả và nộp số tiền tiền 349.355.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 2052 ngày 19-11-2021 của Bảo hiểm xã hội Tây Ninh xác định: Căn cứ vào toàn bộ sổ sách, chứng từ liên quan đến việc truy thu 1% tiền bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) năm 2011 của Phòng Giáo dục và đào tạo huyện G đối với 47 trường học chưa tự chủ thì nguyên thủ quỹ Nguyễn Thị Thanh T nhân viên của Phòng Giáo dục và đào tạo huyện truy thu tiền bảo hiểm thất nghiệp 1% không lập phiếu thu, không nhập quỹ và không chuyển cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội là thực hiện không đúng nguyên tắc tài chính-kế toán về lĩnh vực bảo hiểm thất

nghiệp. Quy trình thu tiền 1% BHTN năm 2011 không có phiếu thu, không có phiếu nộp cho Bảo hiểm xã hội huyện là vi phạm quy định về đóng bảo hiểm thất nghiệp. (Căn cứ tại điểm 1, Điều 8, Mục III, thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2010 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội, quy định về đóng BHTN). Tổng số tiền BHTN phải truy thu 1% bảo hiểm thất nghiệp của giáo viên 47 trường chưa tự chủ năm 2011 là 354.147.001 đồng. Trên thực tế nguyên thủ quỹ Nguyễn Thị Thanh T đã truy thu 1% bảo hiểm thất nghiệp năm 2011 của giáo viên 47 trường học chưa tự chủ là bao nhiêu thì không có đủ hồ sơ, sổ sách và chứng từ thu nên không xác định được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Tuyết đã giao nộp số tiền 349.355.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Về kê biên tài sản: Bị cáo không có tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Tây Ninh không kê biên.

Đối với Phạm Đức Vinh là người trực tiếp phụ trách Kế toán của Phòng Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2009-2014, đã thiếu kiểm tra dẫn đến vi phạm trên nhưng ông Vinh đã chết vào ngày 25-11-2018 nên không xử lý.

Đối với ông Thái Kim Thành nguyên Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh năm 2011, nay đã nghỉ hưu, thiếu kiểm tra nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Tây Ninh đã có công văn đến Đảng ủy thị trấn Gò Dầu xem xét xử lý đối với ông Thành về vai trò trách nhiệm đảng viên.

Đối với Trần Thị Kim Phụng nguyên là nhân viên Kế toán-văn thư của Trường mẫu giáo thị trấn Gò Dầu, năm 2011 được trưng dụng đến Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh hỗ trợ cho kế toán Phạm Đức Vinh nhưng việc trưng dụng Phụng không có quyết định và Phụng không được phân công nhiệm vụ kiểm tra việc thu, chi của thủ quỹ nên hành vi của Phụng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Tây Ninh đã có công văn đến Trường trung học cơ sở Thạnh Đức, huyện G nơi bà Phụng đang công tác để xem xét xử lý trách nhiệm viên chức.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 05/2022/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, h khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 03 (ba) năm tù; Thời hạn chấp hành hình

phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 24-4-2019 đến ngày 26-4-2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo, nội dung xin được hưởng án treo, với lý do đã khắc phục toàn bộ số tiền 349.355.000 đồng; là lao động chính trong gia đình, có mẹ già yếu, ốm đau bệnh tật; bản thân bị bệnh tim; đã thành khẩn khai báo, nhận thức được hành vi phạm tội; thỏa mãn điều kiện theo Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.

Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Việc áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS cấp sơ thẩm áp dụng là chưa chính xác. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy hành vi sai trái của bị cáo, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tháng 12-2011, tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T là thủ quỹ được phân công nhiệm vụ thu số tiền bảo hiểm thất nghiệp 01% của giáo viên 47 trường nộp cho Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện G, tỉnh Tây Ninh là 349.354.585 đồng, để nộp Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi nhánh huyện G, nhưng sau khi thu và giữ số tiền trên Tuyết đã chiếm đoạt không nộp cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi nhánh huyện G. **Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Thanh T về tội “Tham ô tài**

sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự **là có căn cứ.**

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan Nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo một mức án nghiêm khắc, mới có đủ thời gian giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với các bị cáo như:

+ Về tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; vụ án xảy ra từ năm 2011, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm đã hơn 10 năm, tính chất nguy hiểm cho xã hội không còn, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhìn nhận được sai trái của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Sau khi cân nhắc toàn diện vụ án, tại cấp sơ thẩm bị cáo không nhận thức được hành vi của bị cáo là có tội, Hội đồng xét xử đã xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, trong đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình và tỏ ra ăn năn hối cải, xét điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo là không đủ điều kiện theo quy định Nghị Quyết 02/2018 nhưng cũng cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị cáo;

[6] Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; sửa bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

3. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: **05/2022/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022** của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 02 (hai) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 24-4-2019 đến ngày 26-4-2019.

5. Về án phí: Căn cứ vào **điểm b 2 Điều 23** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- **TAND. H.G;**
- **Chi cục THADS. H.G;**
- **Công an H.G;**
- **Phòng PV 06 CATTN;**
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Văn Diệp

